

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 998/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Ông Chu Mạnh Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 624/2020/TLST- HNGĐ ngày 30/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ tạm trú: 902/35 đường T, khu phố E, phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Công Q, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ tạm trú: 902/35 đường T, khu phố E, phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

(1) Nguyên đơn Bà Trần Thị Đ trình bày: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Công Q tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2009, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 18/02/2009. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc và tạm trú tại địa chỉ 902/35 Tỉnh lộ 43, khu phố 1, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc như mong muốn, bà Đ cam chịu, cố gắng chung sống vì các con. Tuy nhiên, mâu thuẫn quá nghiêm trọng nên bà Đ quyết định đơn phương ly hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do hai bên có quá nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên cãi nhau, ông Q vũ phu và gia trưởng thường xuyên đánh bà Đ, làm cho tình cảm giữa hai bên không còn, hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà Trần Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Công Q để ổn định cuộc sống. Giữa bà Đ và ông Trần Công Q có 02 người con chung, bà Đ yêu cầu sau khi ly hôn giao con chung tên Trần Công M, sinh ngày 01/12/2009 cho ông Trần Công Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Thị Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Trúc M, sinh ngày 04/01/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung bà Trần Thị Đ tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(2) Đối với bị đơn ông Trần Công Q vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Công Q tiếp tục vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn Bà Trần Thị Đ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Công Q đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Công Q là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Công Q đang cư trú tại: 902/35 Tỉnh lộ 43, khu phố 1, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn Bà Trần Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Công Q vắng mặt phiên tòa đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 18/02/2009, có cơ sở xác định giữa bà Trần Thị Đ và ông Trần Công Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn như bà Đ đã trình bày, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà Trần Thị Đ và ông Trần Công Q thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu của bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Trần Công Q là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] *Về con chung:* Căn cứ vào giấy khai sinh số 05, quyền số 01/2010 đăng ký ngày 08/01/2010 và giấy khai sinh số 08, quyền số 01/2015 đăng ký ngày 20/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, cùng với sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Bà Trần Thị Đ và ông Trần Công Q có hai người con chung tên Trần Công M, sinh ngày 01/12/2009 và con chung tên Trần Thị Trúc M, sinh ngày 04/01/2015. Bà Trần Thị Đ yêu cầu sau khi ly hôn giao con chung tên Trần Công M cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Trúc M, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đã đủ 07 tuổi (Trần Công M), bị đơn không có ý kiến

phản đối, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Trần Thị Đ tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Trần Công Q.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Công M, sinh ngày 01/12/2009 cho ông Trần Công Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung tên Trần Trị Trúc M, sinh ngày 04/01/2015 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Đ về việc không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu ông Trần Công Q cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Trần Thị Đ tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Trần Thị Đ phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057315 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thiên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

